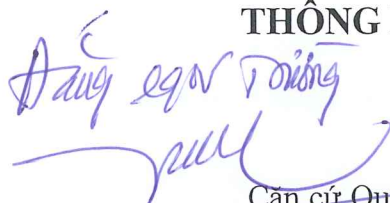


**THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ  
NĂM 2019 (Đợt 1)**

  
Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/05/2014, Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ các ngành: *Công nghệ Sinh học, Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật Môi trường, Kỹ thuật hóa học, Công nghệ thực phẩm, Kỹ thuật Chế biến Lâm sản, Chăn nuôi, Khoa học Cây trồng, Bảo vệ Thực vật, Kinh tế Nông nghiệp, Lâm học, Nuôi trồng Thủy sản, Thú y, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Quản lý Đất đai, Quản lý kinh tế.*

**1. Hình thức và thời gian đào tạo:** hệ tập trung 2 năm.

**2. Điều kiện dự thi**

Tốt nghiệp đại học đúng ngành hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi. Nếu văn bằng tốt nghiệp đại học gần với chuyên ngành đăng ký dự thi, thí sinh phải học bổ sung kiến thức.

Người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên thuộc ngành đúng hoặc phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp. Những đối tượng còn lại phải có ít nhất một (01) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với ngành dự thi.

Chi tiết về ngành phù hợp, ngành gần theo từng ngành dự tuyển trình độ thạc sĩ và bổ sung kiến thức xin vui lòng tham khảo tại website: <http://www.pgo.hcmuaf.edu.vn>

**3. Các môn thi tuyển:**

1. Môn Cơ bản (*Theo danh mục đính kèm*);
2. Môn Cơ sở (*Theo danh mục đính kèm*);
3. Môn ngoại ngữ: Tiếng Anh.

Thí sinh thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

c) Có văn bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ Tiếng Anh; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài hoặc có bằng tốt nghiệp đại học trong nước mà chương trình đào tạo chuyên môn được giảng dạy bằng tiếng Anh, không qua phiên dịch;

d) Có một trong các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế sau: TOEFL PBT 450, CBT 133, iBT 45; TOEIC 450; IELTS 4.5; Cambridge Exam Preliminary PET; BEC Business Preliminary; BULATS 40 trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày cấp chứng chỉ tính đến ngày dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận.

#### **4. Hồ sơ dự thi:**

Các hồ sơ theo mẫu: Đơn xin dự thi; Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền địa phương; Biên nhận hồ sơ; 03 tấm hình 3 x 4 cm (dán trên phiếu ảnh).

Các hồ sơ yêu cầu khác: Công văn cử dự thi của cơ quan chủ quản (CB/CNV nhà nước); Bản sao văn bằng tốt nghiệp (có công chứng); Các chứng chỉ bổ túc kiến thức; Giấy chứng nhận đủ sức khỏe (của Bệnh viện); Các bản sao (có công chứng) giấy tờ hợp pháp của đối tượng ưu tiên.

#### **5. Lệ phí, thời gian ôn tập và thi tuyển**

- Lệ phí thi: 500.000 đồng/người, đóng tại phòng Kế hoạch Tài chính và trình biên lai cho cán bộ nhận hồ sơ của phòng Đào tạo Sau đại học kiểm tra khi nộp hồ sơ.

- Thời gian ôn thi dự kiến: 15/02/2019 đến 17/03/2019

- Địa điểm ôn thi: tại Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày thi tuyển: **30 & 31/03/2019** tại Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh.

\* **Nhận hồ sơ dự thi:** từ ngày thông báo đến ngày **28/02/2019** tại phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh.

\* **Nhận đăng ký ôn thi:** từ ngày ra thông báo đến ngày **31/01/2019** tại phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh.

Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ Phòng Đào tạo Sau đại học, Đại học Nông Lâm TP.HCM (Phòng 208, Khu Thiên Lý, Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh).

ĐT: 028.38963339 – 028.38974114;

E-mail: [psdh@hcmuaf.edu.vn](mailto:psdh@hcmuaf.edu.vn);

Website: <http://www.pgo.hcmuaf.edu.vn>

#### **Nơi nhận:**

- Vụ Giáo dục Đại học (để b/c);
- Thông báo rộng rãi,
- Lưu P. HC; P. ĐTSĐH.



GS.TS. Nguyễn Høy



**DANH MỤC CÁC CHUYÊN NGÀNH VÀ CÁC MÔN THI TUYỂN CAO HỌC KHOA 2019**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH**

| STT | Chuyên ngành                     | Mã ngành | CÁC MÔN THI TUYỂN   |                               |           |
|-----|----------------------------------|----------|---------------------|-------------------------------|-----------|
|     |                                  |          | Cơ bản              | Cơ sở                         | Ngoại ngữ |
| 1   | Quản lý Kinh tế                  | 8310110  | Xác suất – Thống kê | Kinh tế học                   | Tiếng Anh |
| 2   | Công nghệ Sinh học               | 8420201  | Xác suất -Thống kê  | Sinh học phân tử              | Tiếng Anh |
| 3   | Kỹ thuật Cơ khí                  | 8520103  | Toán Cao cấp        | Sức bền vật liệu              | Tiếng Anh |
| 4   | Kỹ thuật hóa học                 | 8520301  | Toán Cao cấp        | Hóa học                       | Tiếng Anh |
| 5   | Kỹ thuật Môi trường              | 8520320  | Toán Cao cấp        | Kỹ thuật môi trường đại cương | Tiếng Anh |
| 6   | Công nghệ thực phẩm              | 8540101  | Xác suất -Thống kê  | Hóa sinh thực phẩm            | Tiếng Anh |
| 7   | Kỹ thuật Chế biến Lâm sản        | 8549001  | Toán cao cấp        | Khoa học gỗ                   | Tiếng Anh |
| 8   | Chăn nuôi                        | 8620105  | Xác suất -Thống kê  | Sinh lý gia súc               | Tiếng Anh |
| 9   | Khoa học cây trồng               | 8620110  | Xác suất -Thống kê  | Sinh lý thực vật              | Tiếng Anh |
| 10  | Bảo vệ thực vật                  | 8620112  | Xác suất -Thống kê  | Sinh lý thực vật              | Tiếng Anh |
| 11  | Kinh tế Nông nghiệp              | 8620115  | Xác suất -Thống kê  | Kinh tế học                   | Tiếng Anh |
| 12  | Lâm học                          | 8620201  | Xác suất -Thống kê  | Sinh lý thực vật              | Tiếng Anh |
| 13  | Nuôi trồng thủy sản              | 8620301  | Xác suất -Thống kê  | Sinh lý Sinh thái cá          | Tiếng Anh |
| 14  | Thú y                            | 8640101  | Xác suất -Thống kê  | Sinh lý gia súc               | Tiếng Anh |
| 15  | Quản lý Tài nguyên và Môi trường | 8850101  | Xác suất -Thống kê  | Khoa học môi trường           | Tiếng Anh |
| 16  | Quản lý đất đai                  | 8850103  | Xác suất -Thống kê  | Trắc địa                      | Tiếng Anh |